Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

# TIẾT 64 + 65 -BÀI 3: BIỂU ĐỒ TRANH

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**

- Đọc và mô tả thành thạo các dữ liệu trên biểu đồ tranh.

- Nhận ra một số vấn đề đơn giản xuất hiện từ các số liệu trong biểu đồ tranh.

**2. Năng lực**

**- Năng lực riêng:**

+ Lựa chọn và biểu diễn được dữ liệu vào biểu đồ tranh.

***+*** Giải quyết được những vấn đề đơn giản liên quan đến các số liệu thu được ở dạng biểu đồ tranh.

**- Năng lực chung:** Năng lực tư duy và lập luận toán học; mô hình hóa toán học; giải quyết vấn đề toán học; giao tiếp toán học, sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS tính độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** SGK, bài giảng, giáo án ppt, SBT.

**2 - HS** : Đồ dùng học tập; SGK, SBT, bảng nhóm.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

- Gợi mở vấn đề, dẫn dắt vào bài mới thu hút học sinh.

- Giúp HS ôn lại cách đọc biểu đồ tranh thông qua việc thực hành lấy thông tin về số HS đạt điểm 10 Toán.

**b) Nội dung:** HS chú ý lắng nghe và thực hiện yêu cầu.

**c) Sản phẩm:** HS quan sát, suy nghĩ, trao đổi nhóm, vận dụng hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV chiếu Slide **HĐKĐ** như trong SGK và yêu cầu HS đọc, trao đổi nhóm, trả lời câu hỏi:

**Cho bảng dữ liệu sau:**

**Số học sinh khối lớp 6 được điểm 10 Toán trong tuần**

|  |  |
| --- | --- |
| **Ngày** | **Số học sinh được 10 điểm môn Toán** |
| Thứ Hai |  |
| Thứ Ba |  |
| Thứ Tư |  |
| Thứ Năm |  |
| Thứ Sáu |  |

(  = 1 học sinh)

*+ Hãy gọi tên loại biểu đồ trên.*

*+ Hãy mô tả các thông tin có từ biểu đồ.*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS chú ý lắng nghe, trao đổi nhóm đôi và trả lời câu hỏi theo suy nghĩ và nhận thức của bản thân dưới sự dẫn dắt của GV.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- HS giơ tay, trả lời miệng, các HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào mới.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Ôn tập và bổ sung kiến thức**

**a) Mục tiêu:**

- Giúp HS ôn tập và củng cố lại biểu đồ tranh qua việc mô tả các thông tin về số ti vi bán được trong biểu đồ.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS nắm được kiến thực trọng tâm và hoàn thành được bài tập thực hành.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV tổ chức cho HS suy nghĩ, thảo luận theo tổ, hoàn thành **HĐKP1** vào bảng nhóm.  - GV dẫn dắt, giảng cho HS khái niệm **biểu đồ tranh.**  - GV yêu cầu một số HS phát biểu lại.  - GV phân tích Ví dụ 1 cho HS hiểu rõ hơn về Khái niệm biểu đồ tranh.  - GV chiếu một số ví dụ khác của biểu đồ tranh để HS nhớ và hiểu rõ về biểu đồ tranh.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm, tìm hiểu nội dung thông qua việc thực hiện yêu cầu như hướng dẫn của GV.  - GV: quan sát và trợ giúp các nhóm HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS giơ tay phát biểu, trình bày miệng tại chỗ.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá chung quá trình hoạt động của các nhóm và lưu ý nội dung kiến thức trọng tâm cho HS. | **1. Ôn tập và bổ sung kiến thức.**  **HĐKP1:**  Các thông tin có được từ biểu đồ trong hình 2:  - Số ti vi bán được qua các năm ở siêu thị điện máy A là:  Năm 2016: 500 . 2 = 1 000 TV  Năm 2017: 500 . 3 = 1 500 TV  Năm 2018: 500 + 250 = 750 TV  Năm 2019: 500 . 4 = 2 000 TV  Năm 2020: 500 . 6 = 3 000 TV  Tổng số ti vi bán được từ năm 2016 đến năm 2020 của siêu thị điện máy A:  1000 + 1500 + 750 + 2000 + 3000 = 8 250 TV  - Năm 2020 siêu thị bán được số ti vi nhiều nhất (3 000 TV).  **=> Biểu đồ tranh** sử dụng biểu tượng hoặc hình ảnh để thể hiện dữ liệu. Biểu đồ tranh có tính trực quan, dễ hiểu. Trong biểu đồ tranh, một biểu tượng ( hoặc hình ảnh) có thể thay thế cho một số các đối tượng. |

**Hoạt động 2: Đọc biểu đồ tranh**

**a) Mục tiêu:**

- Giúp HS rèn luyện kĩ năng đọc biểu đồ tranh.

- HS vận dụng được kiến thức vừa học vào thực tiễn đọc số liệu từ biểu đồ tranh về số loại quả yêu thích của các bạn trong lớp.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK và hoàn thành theo yêu cầu của GV

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS hoạt động nhóm 4, hoàn thành **HĐKP2.**  - GV dẫn dắt, giảng, nhấn mạnh lưu ý học sinh khi đọc và mô tả dữ liệu.  - GV chốt lại khái niệm như trong Hộp kiến thức và cho 1, 2 HS phát biểu lại khái niệm.  - GV hướng dẫn cho HS đọc hiểu *Ví dụ 2.*  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 hoàn thành **Vận dụng** vào vở.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm, quan sát và tìm hiểu nội dung SGK thông qua việc thực hiện yêu cầu như hướng dẫn của GV.  - GV: giảng, phân tích, quan sát và trợ giúp HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS giơ tay phát biểu, trình bày miệng tại chỗ, các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chữa, nhận xét, đánh giá chung quá trình hoạt động của các nhóm và lưu ý nội dung kiến thức trọng tâm cho HS. | **2. Đọc biểu đồ tranh**  **HĐKP2:**  - Số học sinh được điểm 10 môn toán trong tuần của khối lớp 6: 14 học sinh.  *Trong đó:*  Thứ hai có 3 học sinh  Thứ ba có 2 học sinh  Thứ tư có 1 học sinh  Thứ năm có 5 học sinh  Thứ sáu có 3 học sinh.  *Chú ý:* Để đọc và mô tả dữ liệu ở dạng biểu đồ tranh, trước hết ta cần xác định một hình ảnh ( biểu tượng) thay thế cho bao nhiêu đối tượng. Từ số lượng hình ảnh ( biểu tượng), ta sẽ có số đối tượng tương ứng.  **Vận dụng:**  a) Dưa hấu được các bạn học sinh khối lớp 6 yêu thích nhiều nhất.  b) Táo được các bạn học sinh khối lớp 6 yêu thích ít nhất.  c) Số lượng học sinh yêu thích đối với từng quả:  10 . 2 + 5 = 25 => Táo được 25 học sinh yêu thích.  10 . 5 = 50 => Chuối được 50 học sinh yêu thích.  10 . 7 = 70 => Dưa hấu được 70 học sinh yêu thích.  10 . 4 + 5 = 45 => Cam được 45 học sinh yêu thích.  10 . 6 = 60 => Bưởi được 60 học sinh yêu thích. |

**Hoạt động 3 : Vẽ biểu đồ tranh**

**a) Mục tiêu:**

- Giúp HS nhận biết, có cơ hội trải nghiệm thông qua việc thực hành vẽ biểu đồ tranh để thấy được các bước tổng quát.

- HS thực hành rèn luyện kĩ năng thực hành vẽ biểu đồ tranh.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK và hoàn thành theo yêu cầu của GV

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS hoạt động cặp đôi, hoàn thành **HĐKP3.**  - GV dẫn dắt, giảng, trình bày các bước biểu diễn dữ liệu thống kê từ bảng vào biểu đồ tranh.  - GV chốt lại các bước như Hộp kiến thức và cho một vài HS phát biểu lại.  - GV hướng dẫn, phân tích cho HS đọc hiểu *Ví dụ 3.*  - HS vận dụng hoạt động nhóm 4, hoàn thành bài tập **Thực hành** vào vở.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm, quan sát và tìm hiểu nội dung SGK thông qua việc thực hiện yêu cầu như hướng dẫn của GV.  - GV: giảng, phân tích, quan sát và trợ giúp HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS giơ tay phát biểu, trình bày miệng tại chỗ, các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chữa, nhận xét, đánh giá chung quá trình hoạt động của các nhóm và lưu ý nội dung kiến thức trọng tâm cho HS. | **3. Vẽ biểu đồ tranh**  **HĐKP3:**   Nếu số bạn yêu thích quả táo là 45 thì ta: vẽ thêm 2 biểu tượng ngôi sao.  => Để biểu diễn dữ liệu thống kê từ bảng vào biểu đồ tranh, ta thực hiện các bước sau:  ***Bước 1: Chuẩn bị:***  - Chọn biểu tượng hoặc hình ảnh) đại điện cho dữ liệu cần biểu diễn.  - Xác định mỗi biểu tượng ( hoặc hình ảnh) thay thế cho bao nhiêu đối tượng.  ***Bước 2 : Vẽ biểu đồ tranh:***  - Biểu đồ tranh thường gồm hai cột :  + Cột 1: Danh sách phân loại đối tượng thống kê.  + Cột 2: Vẽ các biểu tượng thay thế đủ số lượng các đối tượng.  - Ghi tên biểu đồ và các chú thích số lượng tương ứng mỗi biểu tượng của biểu đồ tranh.  **Thực hành:**  Từ bảng thống kê, ta vẽ được biểu đồ tranh như sau:   |  |  | | --- | --- | | **Màu xe đạp** | **Số xe bán được trong tháng** | | Xanh dương |  | | Xanh lá cây |  | | Đỏ |  | | Vàng |  | | Trắng bạc |  | |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục đích:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

**b) Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập :* ***Bài 1 + 2 ( SGK – 108, 109)***

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận đưa ra đáp án, hoàn thành vở, giơ tay trình bày miệng.*

**Bài 1 :**

a) Xã **E** có ít máy cày nhất (15 máy).

b) Xã **A** có nhiều máy cày nhất (50 máy).

c) Ta có: 50 – 15 = 35 => Xã E có nhiều hơn xã E **35** máy cày.

d) Số máy cày 5 xã:

Xã A: 50 máy cày

Xã B: 45 máy cày

Xã C: 25 máy cày

Xã D: 40 máy cày

Xã E: 15 máy cày

=> Tổng số máy cày: 50 + 45 + 25 + 40 + 25 = 175 máy cày

Vậy: Tổng số máy cày của 5 xã là **175** máy cày.

**Bài 2:**

a) Lớp 6A3 có ít học sinh nữ nhất (10 học sinh).

b) **Không**. Lớp 6A5 có 30 học sinh nữ, lớp 6A4 có 20 học sinh nữ => Lớp 6A4 có ít học sinh nữ hơn lớp 6A5.

c) Lớp 6A6 có **20** học sinh nữ.

d) Số học sinh nữ:

Lớp 6A1: 20 học sinh nữ

Lớp 6A2: 30 học sinh nữ

Lớp 6A3: 10 học sinh nữ

Lớp 6A4: 20 học sinh nữ

Lớp 6A5: 30 học sinh nữ

Lớp 6A6: 20 học sinh nữ

=> Tổng cộng: 130 học sinh nữ

Vậy: Tổng số học sinh nữ của các lớp khối là **130** học sinh.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để nắm vững kiến thức

**b. Nội dung:** HS hoàn thành theo yêu cầu của GV

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS hòan thành bài tập vận dụng :* **Bài 3 (** *SGK –tr109).*

*- GV hướng dẫn, gợi ý và tổ chức cho HS thảo luận theo tổ.*

*- HS thảo luận, suy nghĩ và trình bày vào vở theo cá nhân, sau khi hoàn thành giơ tay phát biểu trình bày bảng.*

**Bài 3 :**

|  |  |
| --- | --- |
| **Số xe ô tô bán được của cửa hàng A** | |
| **Năm** | **Số xe bán được** |
| **2016** |  |
| **2017** |  |
| **2018** |  |
| **2019** |  |
| **2020** |  |

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Đánh giá thường xuyên:  + Sự tích cực chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập.  + Sự hứng thú, tự tin, trách nhiệm của HS khi tham gia các hoạt động học tập cá nhân.  + Thực hiện các nhiệm vụ hợp tác nhóm ( rèn luyện theo nhóm, hoạt động tập thể).  - Đánh giá đồng đẳng. | - Phương pháp quan sát:  + GV quan sát qua quá trình học tập: chuẩn bị bài, tham gia vào bài học( ghi chép, phát biểu ý kiến, thuyết trình, tương tác với GV, với các bạn,..  + GV quan sát hành động cũng như thái độ, cảm xúc của HS.  - Phương pháp thuyết trình.  - Phương pháp gợi mở - đàm thoại. | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận. |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Xem lại và ghi nhớ nội dung kiến thức cuả bài.

- Làm thêm các bài tập **2** **+ 5 + 6** ( SBT –tr93, 94, 95)

- Đọc và chuẩn bị trước bài sau : “ **Biểu đồ cột – Biểu đồ cột kép**”.